TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH TÂN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 3 - 2018
V/v tranh chấp "xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Giữ.

Ông Đinh Công Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Thùy - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long*: không tham gia phiên tòa*.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018; về tranh chấp: "*xin ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh **Bùi Duy K**, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp L, xã Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. *Bị đơn*: Chị **Nguyễn Khơi E**, sinh năm 1989; HKTT: ấp L, xã Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; Tạm trú: ấp X, xã Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Bà **Lê Thị B**, sinh năm 1950; Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/12/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Bùi Duy K trình bày: do được mai mối vào năm 2015 anh và chị Nguyễn Khơi E thành hôn, được gia đình chấp thuận tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương; nữ trang cưới gồm 01 đôi bông tai và 01 sợi dây chuyền tổng cộng 04 chỉ vàng 24K và 02 chiếc nhẫn 01 chỉ vàng 18K, số vàng này hiện do chị E cất giữ. Đăng ký kết hôn ngày 24/6/2015 tại UBND xã Tân

Quới, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi cưới vợ chồng về sống chung với gia đình anh tại ấp L, xã Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Long hạnh phúc được khoảng 01 năm. Anh chị có 01 con chung tên Bùi Gi K1, sinh ngày 30/6/2015; hiện mẹ vợ là bà Lê Thị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Trong thời gian chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung; không thiếu nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ. Mâu thuẫn phát sinh là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, gây gổ với nhau về tiền bạc. Tháng 6/2016 vợ chồng không thống nhất về việc tổ chức đám thôi nôi cho con nên chị Khơi E bồng con bỏ về nhà cha mẹ ruột ở Kiên Giang sinh sống, vợ chồng ly thân từ ngày 21/6/2016 cho đến nay. Anh đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được. Thời điểm chị Khơi E về nhà cha mẹ ruột ở, chị E đang mang thai đứa con thứ hai được khoảng 08 tuần tuổi thì chị E đã đi phá thai mà không hỏi ý kiến của anh, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng; hiện mỗi người có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai, không còn tình cảm gì với nhau.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn chị Nguyễn Khơi E; về con chung Bùi Gi K1, sinh ngày 30/6/2015 anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị Khơi E cấp dưỡng nuôi con, hiện anh làm nghề sửa xe honda (tại nhà), thu nhập bình quân khoảng 10.000.000 đồng/tháng; về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh không còn yêu cầu nào khác.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 01/02/2018 bị đơn chị Nguyễn Khơi E trình bày:* chị thống nhất với anh K về thời gian kết hôn và quá trình chung sống; vợ chồng chị có đăng ký kết hôn; nữ trang cưới gồm 01 đôi bông tai và 01 sợi dây chuyền tổng cộng 04 chỉ vàng 24K và 02 chiếc nhẫn 01 chỉ vàng 18K, số vàng này hiện do chị cất giữ. Chị và anh K có 01 con chung tên Bùi Gi K1, sinh ngày 30/6/2015; hiện chị chăm sóc nuôi dưỡng. Trong thời gian chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung; không thiếu nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ. Mâu thuẫn phát sinh là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, gây gổ với nhau về tiền bạc. Tháng 6/2016 vợ chồng không thống nhất về việc tổ chức đám thôi nôi cho con nên chị bồng con bỏ về nhà cha mẹ ruột ở Kiên Giang sinh sống, vợ chồng ly thân từ ngày 21/6/2016 cho đến nay. Anh K có xuống thăm con và kêu chị về nhưng khi đó con bị bệnh không về được; sau đó chị thấy anh K không quan tâm đến vợ con nên chị không về và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng; hiện mỗi người có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai, không còn tình cảm gì với nhau.

Chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh K; về con chung Bùi Gi K1, sinh ngày 30/6/2015 chị không đồng ý để anh K nuôi, chị yêu cầu được quyền

nuôi con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con; về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không còn yêu cầu nào khác.

Hiện chị đang làm công nhân Công ty may giày da ở thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang; lương bình quân 8.000.000 đồng - 9.000.000 đồng/tháng. Hàng ngày chị đi làm, chị gởi con cho mẹ ruột là bà Lê Thị B chăm sóc, nuôi dưỡng.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 01/02/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị B trình bày:* bà là mẹ ruột của chị Khơi E. Hàng ngày chị Khơi E đi làm có gởi con là Bùi Gi K1 cho bà trông nom, chăm sóc.

- *Tại phiên tòa*:

Anh K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn chị Khơi E; yêu cầu được trực tiếp nuôi con Bùi Gi K1, sinh ngày 30/6/2015, không yêu cầu chị Khơi E cấp dưỡng nuôi con; về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh không còn yêu cầu nào khác.

Chị Khơi E đồng ý ly hôn anh K; về con chung Bùi Gi K1, sinh ngày 30/6/2015 chị không đồng ý để anh K nuôi, chị yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con; về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không còn yêu cầu nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị B có đơn xin vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị B.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa anh Bùi Duy K và chị Nguyễn Khơi E có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa anh K và chị Khơi E là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Bùi Duy K là có cơ sở. Bởi lẽ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh K và chị Khơi E là trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; anh chị đã ly thân từ ngày 21/6/2016 cho đến nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai, anh K xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị Khơi E, anh yêu cầu được ly hôn chị Khơi E, chị Khơi E đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Bùi Duy K được ly hôn chị Nguyễn Khơi E là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bùi Gi K1, sinh ngày 30/6/2015 hiện chị Khơi E chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh K và chị Khơi E đều có yêu cầu được nuôi con và không thỏa thuận được việc giao con chung chưa thành niên cho một bên nuôi dưỡng.

[4.1] Xét, tính đến nay cháu K1 chưa đủ 36 tháng tuổi; từ ngày chị Khơi E và anh K không còn sống chung với nhau, chị Khơi E là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu K1. Hiện chị Khơi E đang làm công nhân tại Công ty may giày da ở thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang; lương bình quân 8.000.000 đồng - 9.000.000 đồng/tháng, điều kiện kinh tế của chị Khơi E ổn định, đảm bảo được việc nuôi con, đảm bảo các điều kiện cho sự phát triển về thể chất và các điều kiện khác cho sự phát triển tốt về tinh thần của cháu K1. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giao cháu K1 cho chị Khơi E trực tiếp nuôi là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4.2] Theo quy định của pháp luật thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, tuy nhiên chị Khơi E không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con là Bùi Gi K1 do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản: anh Bùi Duy K và chị Nguyễn Khơi E không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: anh Bùi Duy K phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Bùi Duy K và chị Nguyễn Khơi E.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao con chung Bùi Gi K1, sinh ngày 30/6/2015 cho chị Nguyễn Khơi E trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con: chị Nguyễn Khơi E không yêu cầu anh Bùi Duy K cấp dưỡng nuôi con là Bùi Gi K1 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh Bùi Duy K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; đồng thời người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: anh Bùi Duy K và chị Nguyễn Khơi E không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: anh Bùi Duy K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* do anh K nộp theo biên lai thu số 0015050 ngày 03/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy anh K đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.

(đã ký)

Phan Kim Ngân